

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG**



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0806/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 11 tháng 8 năm 2011, từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy, khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa vào số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ chưa được soát xét của các Công ty này (thuyết minh V.15).

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chung chi kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Mai Thị Kim Dung - Kiểm toán viên
Chung chi kiểm toán viên số: 1163/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 101 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.046.451.498.665	1.544.742.123.202
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	161.422.373.038	32.670.003.078
1. Tiền	111		11.422.373.038	12.670.003.078
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.478.553.505	111.075.216.070
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	14.629.692.955	112.226.355.520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1.151.139.450)	(1.151.139.450)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		815.460.079.736	588.801.052.223
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	587.057.580.668	165.455.841.347
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	213.579.621.602	406.613.533.480
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	17.327.686.513	19.236.486.443
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2.504.809.047)	(2.504.809.047)
IV. Hàng tồn kho	140		1.046.516.042.086	772.114.350.502
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.046.516.042.086	772.114.350.502
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.574.450.300	40.081.501.329
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	492.426.738	53.952.248
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.902.646.311	31.985.468.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		267.184.924	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	6.912.192.327	8.042.080.866

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 15 I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.750.833.438	141.333.998.989
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		95.349.709.531	81.875.178.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	79.479.760.886	69.083.323.968
Nguyên giá	222		118.949.306.952	101.720.640.041
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.469.746.066)	(32.637.316.073)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	11.401.590.509	11.461.533.636
Nguyên giá	228		12.111.129.886	12.074.484.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(709.539.377)	(612.951.250)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	4.468.358.136	1.330.320.762
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	2.023.169.875	2.115.834.145
Nguyên giá	241		2.409.271.000	2.409.271.000
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(386.101.125)	(293.436.855)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.914.812.698	51.560.910.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	3.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	24.254.812.698	27.900.910.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	23.660.000.000	23.660.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.463.141.334	5.782.076.478
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	1.915.241.830	1.475.825.029
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	3.585.706.649	3.585.706.649
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	962.192.855	720.544.800
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.201.202.332.103	1.686.076.122.191

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 101 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.058.785.780.263	1.334.990.391.354
I. Nợ ngắn hạn	310		908.391.274.825	1.184.568.008.541
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	113.174.309.922	597.393.183.131
2. Phải trả người bán	312	V.22	149.508.757.002	91.925.952.987
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	153.886.374.095	282.337.113.571
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	33.391.403.709	9.634.544.914
5. Phải trả người lao động	315	V.25	2.804.789.238	1.810.636.890
6. Chi phí phải trả	316	V.26	214.812.897.693	12.177.973.794
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	217.777.407.687	166.475.837.730
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.28	20.190.372.205	11.328.596.313
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	2.844.963.274	11.484.169.211
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		150.394.505.438	150.422.382.813
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	150.000.000.000	150.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.31	394.505.438	422.382.813
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.136.287.829.072	351.085.730.837
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.136.287.829.072	351.085.730.837
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.32	1.000.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.32	1.841.123.840	2.062.223.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.32	4.640.739.814	4.812.860.786
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chính sách đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chính sách tỷ giá hối đoái	416	V.32	-	(439.592.214)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.32	28.331.589.757	28.675.831.702
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.32	13.537.934.890	13.710.055.862
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.32	87.936.440.771	102.264.350.861
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỘ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.33	6.128.722.768	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.201.202.332.103	1.686.076.122.191

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 101 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểuLý Thị Bình
Kế toán trưởngĐoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 101 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	752.174.297.432	344.809.526.265
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	5.544.377.273	1.061.818.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	746.629.920.159	343.747.708.083
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	631.466.819.454	282.474.892.505
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115.163.100.705	61.272.815.578
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	6.272.732.817	11.616.036.915
7. Chi phí tài chính	22	VL4	11.041.377.487	4.761.265.092
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.812.701.647	4.614.092.367
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	19.425.728.925	10.279.144.048
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	16.568.007.721	9.032.427.670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.400.719.389	48.816.015.773
11. Thu nhập khác	31	VL7	15.760.943.677	8.202.903.367
12. Chi phí khác	32		28.064.299	896.531.198
13. Lợi nhuận khác	40		15.732.879.378	7.306.372.169
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(40.774.527)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.092.824.240	56.122.387.942
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	22.439.093.585	13.685.925.435
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>67.653.730.655</u>	<u>42.436.462.507</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		478.923.143	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		67.174.807.512	42.436.462.507
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	<u>3.195</u>	<u>2.122</u>

Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2011


Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởngĐoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 101 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.092.824.240	56.122.387.942
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11; V.12; V.14	6.081.777.483	5.453.394.240
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.962.212.365)	(11.645.352.304)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.812.701.647	4.614.092.367
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		101.025.091.005	54.544.522.245
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(92.203.852.870)	(34.171.847.535)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(258.300.234.376)	29.380.365.123
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		173.623.685.718	(62.823.332.825)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(687.139.682)	675.988.805
- Tiền lãi vay đã trả	13		(42.216.261.927)	(4.614.092.367)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(16.328.755.849)	(11.925.229.207)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.190.800.000	203.911.200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.215.788.866)	(5.718.612.873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(140.112.456.847)	(34.448.327.434)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20.072.067.849)	(13.273.047.241)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.363.636.369
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.15	(3.019.000.000)	(27.571.022.000)
6. Tiền thu bồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	13.319.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	9.112.212.365	4.819.020.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.978.855.484)	(21.341.912.268)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

12

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 161 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.31	800.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20	155.964.955.422	114.904.873.006
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20	(641.893.183.131)	(113.372.958.471)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(31.228.090.000)	(93.271.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		282.843.682.291	1.438.643.535
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		128.752.369.960	(54.351.596.167)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.670.003.078	112.210.442.287
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	161.422.373.038	57.858.846.120

Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

001
ÔN
'M'
TƯ
/P

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 1 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần của sở Mùa Xuân (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Sản xuất lắp ráp cửa các loại.

- Tổng số các công ty con : 02
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 01

6. Danh sách Công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần của sở Mùa Xuân	Quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	72,60%	72,60%

7. Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lý do
Công ty TNHH Thanh Mỹ	Tân Khu thương mại dịch vụ tại định cư Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số liệu ảnh hưởng không đáng kể

8. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	20,00%	20,00%
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	Đường D8, Khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	55,15%	36,50%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn có 551 nhân viên đang làm việc tại các Công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 422 nhân viên).

10. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước do số lượng hàng hóa và bất động sản tiêu thụ tăng mạnh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lố I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	03 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.7.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{12}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa và công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
30/6/2011 : 20.618 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bán giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	882.335.886	377.636.739
Tiền gửi ngân hàng	10.540.037.152	12.292.366.339
Các khoản tương đương tiền (*)	150.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>161.422.373.038</u>	<u>32.670.003.078</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		14.629.692.955		12.226.355.520
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMM)	261.409	3.305.620.570	261.409	3.305.620.570
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	107.039	2.341.702.950
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (LTC)	320.000	3.200.000.000	80.000	1.657.642.000
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	445.916	4.921.390.000	445.916	4.921.390.000
Đầu tư ngắn hạn khác		-		100.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm		-		<u>100.000.000.000</u>
Cộng		<u>14.629.692.955</u>		<u>112.226.355.520</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật:
 - Giảm do bán 80.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.151.040.000 VND.
 - Tăng do mua thêm 320.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 3.200.000.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương tăng do mua thêm 83.658 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 860.995.535 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hóa	211.884.584.318	96.186.860.993
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	375.172.996.350	69.268.980.354
Cộng	<u>587.057.580.668</u>	<u>165.455.841.347</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
5. Trả trước cho người bán		
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	159.757.161.781	402.285.929.794
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	53.822.459.821	4.327.603.686
Cộng	<u>213.579.621.602</u>	<u>406.613.533.480</u>
6. Các khoản phải thu khác		
Lãi dự thu	-	3.210.000.000
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	11.214.078.992	10.513.125.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.316.508.781	2.137.653.539
Cổ tức phải thu	-	940.000.000
Chi phí chi cho dự án Tân Thạnh Mỹ chờ quyết toán	342.392.885	342.392.885
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	770.962.697	805.675.269
Ứng tiền thực hiện ủy thác	1.369.828.193	-
Phải thu khác	1.313.914.965	1.287.638.892
Cộng	<u>17.327.686.513</u>	<u>19.236.486.443</u>
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	1.560.925.355	1.560.925.355
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	90.344.709	90.344.709
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	61.200.178	61.200.178
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	792.338.806	792.338.806
Cộng	<u>2.504.809.047</u>	<u>2.504.809.047</u>
8. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	8.409.595.180	5.557.840.496
Công cụ dụng cụ	289.549.061	162.721.546
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	997.997.792.590	711.829.404.647
Thành phẩm	2.715.053.866	2.074.799.388
Hàng hóa	37.104.051.389	52.481.102.525
Hàng gửi đi bán	-	8.481.900
Cộng	<u>1.046.516.042.086</u>	<u>772.114.350.502</u>
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	256.833.069	53.952.248
Chi phí khác	235.593.669	-
Cộng	<u>492.426.738</u>	<u>53.952.248</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	6.473.778.071	6.921.843.168
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	438.414.256	1.120.237.698
Cộng	<u>6.912.192.327</u>	<u>8.042.080.866</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.804.711.452	13.698.615.948	75.547.030.301	1.587.021.255	83.261.085	101.720.640.041
Tăng do hợp nhất kinh doanh	10.400.343.753	1.900.598.019	373.182.771	42.054.560	25.040.000	12.741.219.103
Mua sắm mới	-	1.017.045.454	222.052.727	108.161.091	-	1.347.259.272
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	488.819.563	-	1.690.543.453	330.879.187	-	2.510.242.203
Tăng khác	630.146.333	-	-	-	-	630.146.333
Số cuối kỳ	<u>22.324.021.101</u>	<u>16.616.259.421</u>	<u>77.832.809.252</u>	<u>2.068.116.893</u>	<u>108.301.085</u>	<u>118.949.506.952</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	33.002.670	112.811.600	1.304.946.000	861.595.287	83.261.085	2.395.616.642
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.224.712.178	4.400.427.880	23.897.971.523	1.030.943.407	83.261.085	32.637.316.073
Tăng do hợp nhất kinh doanh	568.042.680	231.681.442	124.450.480	10.513.636	5.216.669	939.904.907
Khấu hao trong kỳ	769.893.383	798.782.863	4.186.933.786	136.219.498	695.556	5.892.525.086
Số cuối kỳ	<u>4.562.648.241</u>	<u>5.430.892.185</u>	<u>28.209.355.789</u>	<u>1.177.676.541</u>	<u>89.173.310</u>	<u>39.469.746.066</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.579.999.274	9.298.188.068	51.649.058.778	556.077.848	-	69.083.323.968
Số cuối kỳ	<u>17.761.372.860</u>	<u>11.185.367.236</u>	<u>49.623.453.463</u>	<u>890.439.352</u>	<u>19.127.775</u>	<u>79.479.760.886</u>
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 100.654.736.269 VND và 59.806.466.822 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.966.929.143	107.555.743	12.074.484.886
Mua sắm mới	-	36.645.000	36.645.000
Số cuối kỳ	<u>11.966.929.143</u>	<u>144.200.743</u>	<u>12.111.129.886</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	505.395.507	107.555.743	612.951.250
Khấu hao trong kỳ	91.498.542	5.089.585	96.588.127
Số cuối kỳ	596.894.049	112.645.328	709.539.377
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.461.533.636	-	11.461.533.636
Số cuối kỳ	11.370.035.094	31.555.415	11.401.590.509
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	1.001.087.031	4.415.594.007	(2.290.674.874)	3.126.006.164
XDCB dở dang	329.233.731	1.232.685.570	(219.567.329)	1.342.351.972
Cộng	1.330.320.762	5.648.279.577	(2.510.242.203)	4.468.358.136

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.409.271.000	293.436.855	2.115.834.145
Khấu hao trong năm	-	92.664.270	
Số cuối kỳ	2.409.271.000	386.101.125	2.023.169.875

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

15. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602001658 ngày 21 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ với số vốn là 8.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.000.000.000 VND, tương đương 79,37% vốn đầu tư. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ là 5.000.000.000 VND.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty liên doanh TNHH Simviet ⁽¹⁾	Sản xuất nước uống tinh khiết	50,00%	3.166.030.677	50,00%	2.235.910.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ⁽²⁾	Sản xuất xi măng các loại	20,00%	4.205.959.116	20,00%	4.400.000.000
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Xây dựng công trình dân dụng	-	-	50,00%	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt ⁽⁰¹⁾	Xây dựng nhà ở và công trình dân dụng	36,50%	2.482.822.905	36,50%	865.000.000
Công ty cổ phần cửa Nam Âu	Sản xuất các loại cửa	-	-	50,00%	3.000.000.000
Trường đại học quốc tế Miền Đông ⁽⁰²⁾	Đào tạo trung cấp, cao đẳng và đại học	24,00%	14.400.000.000	24,00%	14.400.000.000
Cộng			24.254.812.698		27.900.910.000

⁽⁰¹⁾ Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

⁽⁰²⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 ngày 13 tháng 2 năm 2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số vốn là 4.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 5.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ nhưng chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

⁽⁰³⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701535016 ngày 18 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt với số vốn là 2.400.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.884.000.000 VND, tương đương 36,05% vốn điều lệ nhưng chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

⁽⁰⁴⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Trường đại học quốc tế Miền Đông với số vốn là 14.400.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Giảm do hợp nhất kinh doanh	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần chuyển nhượng	Giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
	Công ty liên doanh TNHH Sinviet	2.235.910.000	754.457.035	175.663.642	-	-
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	4.400.000.000	(1.474.062.791)	280.021.907	1.000.000.000	-	4.205.959.116
Công ty TNHH Tân Thành Mỹ	3.000.000.000	-	-	-	(3.000.000.000)	-
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	865.000.000	95.282.981	(496.460.076)	2.019.000.000	-	2.482.822.905
Công ty cổ phần cửa Nam Âu	3.000.000.000	-	-	-	(3.000.000.000)	-
Trường đại học quốc tế Miền Đông	14.400.000.000	-	-	-	-	14.400.000.000
Cộng	27.900.910.000	(624.322.775)	(40.774.527)	3.019.000.000	(6.000.000.000)	24.254.812.698

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức I	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
Cộng		23.660.000.000		23.660.000.000

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
					Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	734.809.100	89.854.424	1.755.752.444	(1.087.595.515)	1.492.820.453
Chi phí thuê văn phòng	284.400.000	-	1.304.223.273	(1.437.423.273)	151.200.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	456.615.929	79.514.007	27.928.991	(292.837.550)	271.221.377
Cộng	1.475.825.029	169.368.431	3.087.904.708	(2.817.856.338)	1.915.241.830

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	112.134.809.922	121.829.358.131
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương	-	475.563.825.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	1.039.500.000	-
Cộng	113.174.309.922	597.393.183.131

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:*

Số đầu năm	597.393.183.131
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.039.500.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	155.964.955.422
Chênh lệch tỷ giá	669.854.500
Số tiền vay đã trả trong năm	(641.893.183.131)
Số cuối kỳ	113.174.309.922

22. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	135.340.625.084	62.249.644.899
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	14.168.131.918	29.676.308.088
Cộng	149.508.757.002	91.925.952.987

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả tiền trước liên quan các dịch vụ khác	2.007.842.064	13.617.963.691
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	151.878.532.031	268.719.149.880
Cộng	153.886.374.095	282.337.113.571

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tăng do		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	Số đầu năm	hợp nhất kinh doanh			
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	25.196.113.918	(7.977.630.403)	17.218.483.515
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.609.258.380	-	22.439.093.585	(13.959.673.889)	16.088.678.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	1.923.041.794	-	178.855.242	(2.369.081.960)	(267.184.924)
Thuế thu nhập cá nhân	102.244.740	7.077.329	595.760.361	(620.840.312)	84.242.118
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	(13.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	303.366.000	(303.366.000)	-
Cộng	9.634.544.914	7.077.329	48.726.189.106	(25.243.592.564)	33.124.218.785

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.092.824.240	56.122.387.942
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	(336.449.900)	(1.378.686.200)
Thu nhập chịu thuế	89.756.374.340	54.743.701.742
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	22.439.093.585	13.685.925.435

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 02% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bán giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 chưa chi.

26. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	9.975.750.000
Trích trước chi phí công trình	214.692.050.239	2.202.223.794
Chi phí khác	120.847.454	-
Cộng	214.812.897.693	12.177.973.794

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	159.013.531	76.475.831
Cổ tức phải trả	48.877.592.124	105.682.124
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	154.895.611.650	149.025.289.000
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	9.138.457.500	15.338.917.800
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	3.100.000.000	640.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	614.243.720	494.854.358
Các khoản phải trả phải nộp khác	992.489.162	794.618.617
Cộng	217.777.407.687	166.475.837.730

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**28. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng và sản phẩm hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	11.328.596.313
Tăng do hợp nhất kinh doanh	207.177.101
Tăng do trích lập	16.581.487.313
Hoàn nhập trong kỳ	(6.579.425.864)
Giảm do thanh lý hợp đồng	(1.347.462.658)
Số cuối kỳ	20.190.372.205

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Giảm do trích lập thừa	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	8.691.962.085	(215.783.000)	(309.817.751)	(5.877.837.109)	2.288.524.225
Quỹ phúc lợi	1.329.634.969	(14.223.000)	(34.424.194)	(1.072.696.689)	208.291.086
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.462.572.157	-	(34.424.194)	(1.080.000.000)	348.147.963
Cộng	11.484.169.211	(230.006.000)	(378.666.139)	(8.030.533.798)	2.844.963.274

30. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Dưới 01 năm	-
Trên 01 năm đến 05 năm	150.000.000.000
Tổng nợ	150.000.000.000

31. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	422.382.813
Số đã chi	(27.877.375)
Số cuối kỳ	394.505.438

32. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 37.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	-
Tạm ứng cổ tức (40% mệnh giá)	31.228.090.000
Cộng	31.228.090.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	20.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

33. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của Công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.649.799.625
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	478.923.143
Số cuối kỳ	6.128.722.768

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	752.174.297.432	344.809.526.265
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	162.877.782.279	74.928.025.841
- Doanh thu thành phẩm	97.384.074.797	107.568.551.963
- Doanh thu xây dựng dự án	488.903.471.316	158.537.770.401
- Doanh thu khác	3.008.969.040	3.775.178.060
Hàng bán bị trả lại	(5.544.377.273)	(1.061.818.182)
Doanh thu thuần	746.629.920.159	343.747.708.083
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng	162.877.782.279	74.928.025.841
- Doanh thu thuần thành phẩm	97.384.074.797	107.568.551.963
- Doanh thu thuần xây dựng dự án	483.359.094.043	157.475.952.219
- Doanh thu thuần khác	3.008.969.040	3.775.178.060

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	152.035.362.560	69.197.305.415
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	83.635.794.521	97.391.641.976
Giá vốn xây dựng dự án	395.692.921.332	115.832.122.132
Giá vốn khác	102.741.041	53.822.982
Cộng	631.466.819.454	282.474.892.505

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.625.762.465	3.037.329.414
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	907.870.253	584.827.621
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	6.595.566.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	336.449.900	1.378.686.200
Lãi bán hàng trả chậm	371.141.199	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.509.000	19.627.680
Cộng	6.272.732.817	11.616.036.915

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.812.701.647	4.614.092.367
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	506.618.100	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	698.895.878	-
Chi phí tài chính khác	23.161.862	147.172.635
Cộng	11.041.377.487	4.761.265.002

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.830.320.974	2.658.103.319
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.163.770.587	113.179.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.389.497.703	394.681.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.452.353.635	2.471.828.126
Chi phí khác	9.589.786.026	4.641.351.288
Cộng	19.425.728.925	10.279.144.048

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.757.546.405	4.318.357.921
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	337.211.920	259.030.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	899.435.797	821.931.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	750.995.235	428.766.519
Chi phí khác	7.822.818.364	3.204.341.421
Cộng	16.568.007.721	9.032.427.670

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.363.636.369
Xử lý vật tư hàng hóa thừa	2.107.445.618	2.332.509.010
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	6.809.895.300	224.850.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	6.579.425.864	4.183.264.215
Thu nhập khác	264.176.895	98.643.773
Cộng	15.760.943.677	8.202.903.367

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	67.174.807.512	42.436.462.507
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	67.174.807.512	42.436.462.507
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ ^(*)	21.025.641	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.195	2.122

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 4 năm 2011	1.025.641	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.025.641	20.000.000

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.309.032.115	141.575.510
Chi phí nhân công	19.505.553.415	1.334.864.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.081.777.483	318.737.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.064.983.894	6.121.799.985
Chi phí khác	20.276.268.373	1.268.102.159
Cộng	162.238.615.280	9.185.079.948

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Theo các điều khoản trong Hợp đồng ủy thác đầu tư số 02/2011/HĐUT Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương ký với Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất để thực hiện đầu tư cổ phiếu, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cam kết sẽ ủy thác và chuyển khoản số tiền ủy thác cho Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất là 30.000.000.000 VND trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã chuyển khoản được 1.369.828.193 VND.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	604.522.183	339.900.000
Tiền thưởng	302.500.000	261.000.000
Cộng	907.022.183	600.900.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên	Cổ đông đại diện vốn nhà nước
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Công ty liên kết
Trường đại học miền Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty thương mại đầu tư và phát triển TNHH một thành viên		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	49.436.638.376	53.425.532.100
Các khoản khác	12.637.085	10.367.870
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	253.953.045.051	-
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Bán nguyên vật liệu	20.607.394.706	11.566.244.682
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Bán nguyên vật liệu	4.583.357.552	1.897.894.997

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	8.710.173.830	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	39.513.199.736	-
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	135.112.661.781	-
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	22.986.874.151	2.382.916.665
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	2.059.613.141	2.895.457.445
Cộng nợ phải thu	199.672.348.809	5.548.644.168
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển TNHH một thành viên</i>		
Thu hộ tiền bán đất	154.895.611.650	149.025.289.000
Phải trả tiền ứng trước mua nguyên vật liệu	-	12.217.102.481
Vay dài hạn	150.000.000.000	150.000.000.000
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i>		
Tiền mua nguyên vật liệu	1.048.270.500	-
Phải trả tiền ứng trước mua nguyên vật liệu	200.000.000	-
Cộng nợ phải trả	306.143.882.150	311.242.391.481

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho và mua từ các bên liên quan là giá bán của hàng hoá trên thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Chi phí lãi vay vốn hoá

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt	19.054.239.851	-
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay chung	-	-
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	19.054.239.851	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn đo các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do các Công ty trong Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng, cửa các loại.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 38 đến trang 40.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Thuế hoạt động

Các hợp đồng đã thuế

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuế hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trừ xuống	2.886.320.624	1.599.655.488
Trên 01 năm đến 05 năm	6.000.737.976	5.760.947.936
Trên 05 năm	892.500.000	-
Cộng	<u>9.779.558.600</u>	<u>7.360.603.424</u>

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trừ xuống	424.000.000	289.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	1.595.000.000	1.415.000.000
Trên 05 năm	1.320.000.000	-
Cộng	<u>3.075.000.000</u>	<u>1.704.000.000</u>

6. Thông tin khác

Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương lập Báo cáo tài chính hợp nhất nên số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm 2011 là số liệu của Công ty mẹ - Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương.

Bình Dương, ngày 11 tháng 8 năm 2011


Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc